

Số: **126** /KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **19** tháng 8 năm 2016

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 154
	Ngày: 24/8
	Chuyên: Rà soát

KẾ HOẠCH

Rà soát xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 05/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020; Công văn số 3027/LĐTBXH-VPQGGN ngày 12/8/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn rà soát xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Tổ chức rà soát xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh với nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN :

1. Mục tiêu: Rà soát, lập danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo tiêu chí quy định để báo cáo Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, làm cơ sở ưu tiên hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, thực hiện các chính sách an sinh xã hội và chính sách giảm nghèo, góp phần giảm nghèo bền vững.

2. Phạm vi, đối tượng:

- Là xã có vị trí ở vùng bãi ngang ven biển và hải đảo có đường ranh giới tiếp giáp bờ biển hoặc xã còn bãi, cù lao, đầm phá, bán đảo, hải đảo (bao gồm xã đang thực hiện và xã chưa được hưởng chính sách theo Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015).

- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo là xã đáp ứng được các tiêu chí quy định tại Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 05/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

3. Thời gian thực hiện:

- Trước ngày 05/9/2016, các huyện báo cáo kết quả rà soát trên địa bàn (bao gồm các phụ biểu theo quy định);

- Trước ngày 07/9/2016, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả rà soát cho UBND tỉnh.

- Trước 10/9/2016: Báo cáo kết quả chính thức cho Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

II. CÁC BƯỚC RÀ SOÁT:

Bước 1. Công tác chuẩn bị:

- Tổ chức tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của việc rà soát xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 trên các phương tiện truyền thông đại chúng;
- Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp trực tiếp làm nhiệm vụ rà soát;
- Xây dựng phương án, kế hoạch, lực lượng, kinh phí tổ chức rà soát;
- Tập huấn quy trình, công cụ cho các điều tra viên.

Bước 2. Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện tổ chức chỉ đạo rà soát các xã theo tiêu chí:

1. Lập danh sách các xã ở vùng bãi ngang ven biển và hải đảo có đường ranh giới tiếp giáp bờ biển hoặc xã cồn bãi, cù lao, đầm phá, bán đảo, hải đảo trên địa bàn (Phụ lục 1).

2. Rà soát các xã có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo tiêu chí quy định: Là xã có tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo theo tổng điều tra hộ nghèo năm 2015 từ 16% trở lên (trong đó tỷ lệ hộ nghèo từ 11% trở lên) theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

Những xã đáp ứng được tiêu chí quy định sẽ được lập danh sách đưa vào rà soát tiếp theo (Phụ lục 2).

3. Rà soát các tiêu chí:

- Thiếu (hoặc chưa đủ) 3/7 công trình cơ sở hạ tầng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, cụ thể:

- + Xã chưa đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo quy định của Bộ Y tế;
- + Cơ sở vật chất trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia dưới 60%;
- + Từ 40% số thôn trở lên chưa có phòng học kiên cố cho nhà trẻ, lớp mẫu giáo;
- + Chưa có hoặc chưa được đầu tư trung tâm sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí cho người dân của xã;
- + Từ 40% số thôn trở lên chưa có nhà sinh hoạt thôn;
- + Dưới 75% số hộ được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh: nước máy, nước giếng khoan, nước giếng đào có thành bảo vệ, nước khe mó được bảo vệ, nước mưa chứa trong bể chứa được bảo vệ);
- + Dưới 60% số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh theo Quy chuẩn Việt Nam quy định của Bộ Y tế.

- Thiếu (hoặc chưa đủ) 2/4 công trình cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh, cụ thể:

- + Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải dưới 80%;
- + Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải dưới 70%;
- + Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện dưới 50%;
- + Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa dưới 70% .

- Thiếu trên 50% cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông, ngư, diêm nghiệp như: đường ra bến cá; bờ bao, kè; trạm bơm cho nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối, hệ thống thoát nước...

Những xã trong danh sách phụ lục 2 đáp ứng được các tiêu chí quy định trên sẽ được đưa vào danh sách sơ bộ để báo cáo Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp tỉnh (Phụ lục 3).

Bước 3. Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp tỉnh tổ chức tham vấn, phúc tra kết quả rà soát:

- Tổ chức tham vấn các sở, ban, ngành liên quan về kết quả rà soát của các huyện gửi lên;

- Trường hợp kết quả rà soát phản ánh không chính xác, tổ chức phúc tra lại kết quả rà soát;

Tổng hợp và lập danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo của tỉnh báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổ chức thẩm định (kèm theo hồ sơ gốc của cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp xã:

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, yêu cầu của việc rà soát xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;

- Rà soát, đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội và tỷ lệ hộ nghèo của xã theo tiêu chí quy định để báo cáo Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện.

2. UBND huyện: Phú Vang, Phú Lộc, Phong Điền, Quảng Điền:

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch rà soát xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo trên địa bàn;

- Tập huấn, hướng dẫn các xã báo cáo rà soát, đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội và tỷ lệ hộ nghèo của xã theo tiêu chí quy định;

- Tổ chức các bước rà soát theo quy định;

- Tổng hợp kết quả rà soát trên địa bàn báo cáo Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện;

- Báo cáo Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp tỉnh kết quả rà soát xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo trên địa bàn.

3. Cấp tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội):

- Xây dựng và trình UBND tỉnh kế hoạch tổ chức điều tra, rà soát; thống nhất mẫu biểu thực hiện trên địa bàn;

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo cho cấp huyện;

- Phối hợp với các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, các ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn, giám sát các địa phương tổ chức thực hiện;

- Tổ chức tham vấn các sở, ban, ngành liên quan về kết quả rà soát của cấp huyện;

- Kiểm tra, phúc tra kết quả rà soát của cấp huyện;
- Tổng hợp, trình UBND cấp tỉnh kết quả rà soát xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo trên địa bàn; báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả rà soát.

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Căn cứ Kế hoạch này, UBND huyện: Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc, các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông các ngành, đoàn thể liên quan chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

2. Các đơn vị, địa phương báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai, thực hiện theo tiến độ thời gian tại Điểm I (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp) trước ngày 07/ 9/ 2016.

3. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, báo cáo thường xuyên với Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình triển khai thực hiện kế hoạch.

Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo về UBND tỉnh để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH;
- VP Quốc gia về giảm nghèo;
- CT, PCT UBND tỉnh Đinh Khắc Đính;
- Các đơn vị nêu tại Mục III;
- CVP, PCVP Đoàn Thanh Vinh;
- Lưu: VT, VX, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Khắc Đính

Phụ lục 1:



**BÁO CÁO
DANH SÁCH CÁC XÃ VÙNG BÃI NGANG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
TRÊN ĐỊA BÀN**

(Kèm theo Kế hoạch số: **126** /KH-UBND ngày **19** tháng **8** năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Xã vùng bãi ngang ven biển và hải đảo trên địa bàn	Mô tả sơ bộ vị trí, đặc điểm kinh tế - xã hội	Đạt được bao nhiêu tiêu chí/19 tiêu chí nông thôn mới
1			
2			
3			
...			

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch UBND
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cấp xã: báo cáo huyện theo quy định;
- Cấp huyện: Tổng hợp theo các xã trên địa bàn;
- Cấp tỉnh: Tổng hợp danh sách xã theo từng huyện.

Phụ lục 2



**BÁO CÁO
DANH SÁCH CÁC XÃ VÙNG BÃI NGANG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
TRÊN ĐỊA BÀN**

(Kèm theo Kế hoạch số: **126**/KH-UBND ngày **19** tháng **8** năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

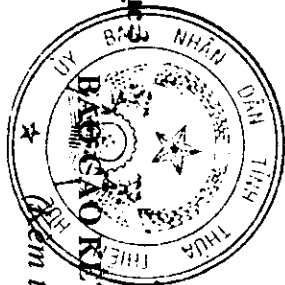
Số TT	Xã vùng bãi ngang ven biển và hải đảo trên địa bàn	Tổng số hộ dân	Hộ nghèo		Hộ cận nghèo	
			Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1						
2						
3						
...						

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch UBND ...
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cấp xã: báo cáo huyện theo quy định;
- Cấp huyện: Tổng hợp theo các xã trên địa bàn;
- Cấp tỉnh: Tổng hợp danh sách xã theo từng huyện.



Phụ lục 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC XÃ ĐBKK VÙNG BÀI NGANG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO TRÊN ĐỊA BÀN

Điền theo Kế hoạch số: 126 /KH-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Số TT	Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Thực trạng cơ sở hạ tầng tiếp cận các dịch vụ xã hội			Thực trạng cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh			Thực trạng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất					
				Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (đạt, chưa đạt)	Tỷ lệ tương đạt chuẩn quốc gia	Tỷ lệ thôn chưa có phòng học kiên cố nhà trẻ, mẫu giáo (%)	Trung tâm sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí (chưa có, chưa đầu tư)	Tỷ lệ hộ sinh hoạt vệ sinh nước	Tỷ lệ nhà tiêu vệ sinh hợp vệ sinh (%)	Tỷ lệ km đường trục xã, trục thôn, xóm được cứng hóa đất theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT (%)	Tỷ lệ km đường trục nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện (%)	Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa (%)	Đường ra bến cá (có, chưa có)	Tầm bơm cho mới trồng thủy sản, sản xuất nước (có, chưa có)	Bờ bao, Kè đập ứng nhu cầu (%)
1															
2															
3															
...															

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch UBND
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cấp xã: báo cáo huyện theo quy định;
- Cấp huyện: Tổng hợp theo các xã trên địa bàn;
- Cấp tỉnh: Tổng hợp danh sách xã theo từng huyện.